

PHỤ LỤC 06

STT	Tên tài sản yêu cầu định giá	ĐVT	Đơn giá (đồng)
I	Thời điểm định giá ngày 23/01/20219		
1	Cây Mai Vạn Phúc trồng chậu, D $\geq$ 1m	cây	
2	Cây Sanh Dáng Long trồng chậu, cây cao $\geq$ 1.6m, D gốc $\geq$ 20cm	cây	
3	Cây Vạn Niên Tùng trồng chậu, cao $\geq$ 3m, D tán $\geq$ 1m	cây	
4	Chậu ốp miếng chai Bình Dương, đường kính 1.2m	cây	
5	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
II	Thời điểm định giá ngày 23/01/20219		
6	Cây Mai Vạn Phúc trồng chậu, D $\geq$ 1m	cây	
7	Cây Sanh Dáng Long trồng chậu, cây cao $\geq$ 1.6m, D gốc $\geq$ 20cm	cây	
8	Chậu ốp miếng chai Bình Dương, đường kính 1.2m	cây	
9	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
III	Thời điểm định giá ngày 06/05/20219		
10	Cây Sanh Dáng Long trồng chậu, cây cao $\geq$ 1.6m, D gốc $\geq$ 20cm	cây	
11	Chậu ốp miếng chai Bình Dương, đường kính 1.2m	cây	
12	Phân hữu cơ, phân ủ	m3	
IV	Thời điểm định giá ngày 12/08/20219		
13	Cây Phượng, H $\geq$ 3m, đk gốc $\geq$ 10cm	cây	
14	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m	cây	
15	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
V	Thời điểm định giá ngày 12/08/20219		
16	Cây Phượng, H $\geq$ 3m, đk gốc $\geq$ 10cm	cây	
17	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m	cây	
18	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
VI	Thời điểm định giá 24/08/2020		
19	Cây Phượng, H $\geq$ 3m, đk gốc $\geq$ 10cm	cây	
20	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m	cây	
21	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
VII	Thời điểm định giá ngày 24/08/2020		
22	Cây Dầu Rái, H $\geq$ 4.5m, đk gốc $\geq$ 12cm	cây	
23	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m	cây	
24	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
VIII	Thời điểm định giá ngày 15/09/2020		
25	Cây Dầu Rái, H $\geq$ 4.5m, đk gốc $\geq$ 12cm	cây	
26	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m	cây	

27	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
IX	Thời điểm định giá ngày 24/08/2020		
28	Cây Kèn Hồng, H $\geq$ 4m, đk gốc $\geq$ 12cm	cây	
29	Cây Hoa Giấy Mỹ cắt col, H $\geq$ 1m, đk tán $\geq$ 60cm	cây	
29	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m	cây	
30	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
X	Thời điểm định giá ngày 15/09/2020		
31	Cây Phượng, H $\geq$ 3.5m, đk gốc $\geq$ 10cm	cây	
32	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m	cây	
33	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
XI	Thời điểm định giá ngày 24/08/2020		
34	Cây Phượng, H $\geq$ 3.5m, đk gốc $\geq$ 10cm	cây	
35	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m	cây	
36	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
XII	Thời điểm định giá ngày 30/11/2020		
37	Cây Trang cắt Col trồng chậu, D tán $\geq$ 0.7m, chậu tròn	cây	
38	Cây Mai Chiếu Thủy ghép lồng mức trồng chậu, Cao $\geq$ 1.6m, chậu lục giác	cây	
39	Chậu tròn mạ đồng D 0.8m	chậu	
40	Chậu lục giác mạ đồng D1.15m	chậu	
41	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
XIII	Thời điểm định giá ngày 02/08/2021		
42	Cây Me chua, H $\geq$ 3.0m, đk gốc 8-10cm	cây	
43	Cây Phượng, H $\geq$ 3.0m, đk gốc 8-10cm	cây	
44	Cọc chống gỗ dài bq 2.5m	cây	
45	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	
XIV	Thời điểm định giá ngày 26/07/2023		
46	Cây Hồng Nhung đường kính gốc 8-10cm, H $\geq$ 3m	cây	
47	Cây Giáng Hương, Chiều cao lóng $\geq$ 3.0m, đường kính gốc 8-10cm	cây	
48	Cây Chà Là, Chiều cao $\geq$ 4.0m, đường kính gốc $\geq$ 35cm	cây	
49	Cây Mai Chiếu Thủy ghép lồng mức, Chiều cao $\geq$ 3.0m	cây	
50	Cây Sanh thể trực, cây cao $\geq$ 1.6m, đường kính gốc $\geq$ 10cm	cây	
51	Cây Bông Giấy trực, cây cao $\geq$ 1.0m, đường kính gốc $\geq$ 8cm	cây	
52	Cây Sanh 5 tầng, cây cao $\geq$ 1.6m, đường kính gốc $\geq$ 8cm	cây	
53	Cây Mai Chiếu Thủy ghép lồng mức, Chiều cao $\geq$ 1.6m	cây	
54	Cây Sanh lộc bình, Chiều cao $\geq$ 1.8m, đường kính tán $\geq$ 80cm	cây	
55	Cây Hồng Lộc, Chiều cao $\geq$ 1.2m	cây	
56	Cây Nguyệt Quế col, Đk tán $\geq$ 1m	cây	
57	Cây Dừa Nam Mỹ, Đk tán $\geq$ 1m	cây	
58	Cây Ấc Ó trồng viền (mật độ 1600 cây/100m2)	cây	

59	Cây Lá Trắng (mật độ 1600 cây/100m ²)	cây	
60	Cây Đông Hầu kền (mật độ 1600 cây/100m ²)	cây	
61	Cây Hoa Thanh Tú (mật độ 1600 cây/100m ²)	cây	
62	Cây Trăm Ồi Tím (mật độ 1600 cây/100m ²)	cây	
63	Cây Trăm Ồi đỏ (mật độ 1600 cây/100m ²)	cây	
64	Cây Chuối Ngọc (mật độ 1600 cây/100m ²)	cây	
65	Cây Hoa Giấy Đỏ (mật độ 1600 cây/100m ²)	cây	
66	Cây Dương Xỉ (mật độ 1600 cây/100m ²)	cây	
67	Cây Chuối Mỏ Két (mật độ 1600 cây/100m ²)	cây	
68	Cây Bạch Trinh (mật độ 1600 cây/100m ²)	cây	
69	Cỏ Nhung Nhật	m ²	
70	Cây Hoa Ngũ Sắc trồng chậu, cây cao $\geq 1.5\text{m}$, đường kính tán $\geq 1\text{m}$	cây	
71	Chậu tròn giả đá D1.2m	chậu	
72	Cây chống gỗ dài bình quân 2.5m	cây	
73	Phân hữu cơ, phân ủ	kg	

TỔNG CỘNG: 73 mục./.

	Giá trúng thầu	Giá dự toán
--	---------------------------	------------------------

	9,525,891	
	34,993,064	
	65,699,894	

	9,525,891	
	34,993,064	

	34,993,063	
--	------------	--

	3,751,492	
--	-----------	--

	3,751,492	
--	-----------	--

	3,892,288	
--	-----------	--

	6,410,456	
--	-----------	--

	6,402,928	
--	-----------	--

5,910,629

4,214,947

3,892,288

3,892,288

5,998,900

43,615,742

6,440,106

3,272,571

5,059,990

3,799,687

30,266,050

45,263,656

9,345,020

7,580,596

7,580,596

34,172,989

10,857,384

754,114

2,795,805

249,993

13,386,308

53,716,004
63,798,428
162,606,183
124,292,972
124,292,972
57,748,973
73,880,853
63,798,425
33,551,150
33,551,150
11,897,876
13,080,175

23.18

23.18

23.18

23.18

23.18

23.18
23.18

23.18

23.18

23.18
23.18

23.18
23.18